

Số: 17 /2026/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 17 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 138/TTr-SNNMT ngày 02/3/2026 và Công văn số 2663/SNNMT-KTĐGD ngày 13/3/2026; thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 49/BC-STP ngày 01/3/2026.



Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố.

### **Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1**

“a) Quy định chi tiết khoản 4 Điều 103, khoản 2 Điều 104, khoản 5 Điều 109 và khoản 7, khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024;

b) Quy định chi tiết khoản 3 Điều 4; điểm a, điểm d khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 15; Điều 16; điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 17; điểm c khoản 1 Điều 18; khoản 2, khoản 3 Điều 19; khoản 6 Điều 20; khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 22; khoản 2 Điều 23; điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2026/NĐ-CP.

c) Quy định chi tiết khoản 4, điểm c khoản 9, điểm a khoản 11, khoản 12, khoản 13 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

d) Quy định chi tiết khoản 2 Điều 19 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai”.

### **Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3**

“2. Tỷ lệ quy đổi khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở được xác định như sau:

Tỷ lệ quy đổi bằng giá bồi thường của loại đất thu hồi chia cho giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi (hoặc giá của nhà ở khi bồi thường bằng nhà ở).

Trong đó:

Giá đất tính tiền bồi thường về đất của loại đất thu hồi theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15.

Giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 11 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP.

Giá nhà ở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp bố trí nhà ở tái

định cư tại địa bàn cấp xã khác với nơi có đất thu hồi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

(Ví dụ: thu hồi 3.000 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, bồi thường bằng đất ở:

Đơn giá đất nông nghiệp 80.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Đơn giá đất ở tại nơi bồi thường bằng đất ở 10.000.000 đ/m<sup>2</sup>

0,008 (tỷ lệ quy đổi) x 3.000 m<sup>2</sup> (diện tích thu hồi) = 24 m<sup>2</sup> đất ở được bồi thường, nhỏ hơn diện tích tối thiểu của thửa đất ở (40 m<sup>2</sup>) nên không đủ điều kiện được bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác loại đất thu hồi.”.

### **Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4**

“3. Đối với nhà, công trình xây dựng khác không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP:

a) Đối với nhà trồng coi tại các khu vực được phép chuyển đổi cơ cấu cây trồng, khu nuôi trồng thủy sản tập trung hoặc các nhà, công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp; nhà, công trình xây dựng khác trên đất trồng lúa theo quy định của pháp luật nếu tại thời điểm xây dựng phù hợp với các quy định về diện tích, số lượng, tiêu chuẩn được phép xây dựng thì mức bồi thường được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Diện tích, số lượng nhà trồng coi để tính bồi thường được tính theo diện tích, số lượng thực tế nhưng không quá diện tích và số lượng tối đa theo quy định tại điểm c, điểm d khoản này.

c) Diện tích nhà trồng coi được tính bồi thường tối đa là 30,0 m<sup>2</sup>/nhà trồng coi.

d) Số lượng nhà trồng coi tối đa để tính bồi thường:

Diện tích đất đến 05 ha: 01 nhà.

Diện tích đất trên 05 ha đến 15 ha: 02 nhà.

Diện tích đất trên 15 ha đến 20 ha: 03 nhà.

Diện tích đất trên 20 ha: 04 nhà.

đ) Nhà, công trình xây dựng khác không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này và không thuộc trường hợp xây dựng vượt diện tích, vượt số lượng được phép xây dựng thì được bồi thường bằng giá trị còn lại của nhà, công trình xây dựng đó.

Phần diện tích hoặc số lượng nhà, công trình xây dựng vượt quy định không được bồi thường”.

### **Điều 4. Bổ sung Điều 4A vào sau Điều 4**

**“Điều 4A. Bồi thường đối với nhà ở, công trình phục vụ đời sống gắn liền với đất phải tháo dỡ hoặc phá dỡ một phần**

Nhà ở, công trình phục vụ đời sống gắn liền với đất phải tháo dỡ hoặc phá dỡ một phần mà phần còn lại vẫn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp

*Handwritten mark*

luật có liên quan theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 thì bồi thường phần giá trị nhà, công trình xây dựng bị phá dỡ và chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại, như sau:

1. Trường hợp cầu thang bị phá dỡ một phần thì được bồi thường toàn bộ cầu thang.

2. Trường hợp ban công bị phá dỡ một phần thì được bồi thường toàn bộ ban công.

3. Trường hợp phá dỡ nhà:

a) Phá dỡ dưới 15% tính trên tổng diện tích sàn nhà, công trình xây dựng, được tính là 30% giá trị nhà, công trình;

b) Phá dỡ từ 15% - 40% tính trên tổng diện tích sàn nhà, công trình xây dựng, được tính gấp 02 (hai) lần giá trị phá dỡ (tương ứng từ 30% - 80% giá trị nhà, công trình);

c) Phá dỡ trên 40% tính trên tổng diện tích sàn nhà, công trình xây dựng, được tính là 100% giá trị nhà, công trình.

4. Giá trị bồi thường tại khoản 1, 2, 3 Điều này được tính theo đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành”.

#### **Điều 5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 9**

“a) Đối với mộ cát táng:

Mộ đất: 5.000.000 đồng/mộ

Mộ xây đơn giản:

Thê tích dưới 0,4 m<sup>3</sup> 5.500.000 đồng/mộ

Thê tích từ 0,4 m<sup>3</sup> đến 0,6 m<sup>3</sup> 6.000.000 đồng/mộ

Thê tích trên 0,6 m<sup>3</sup> 7.000.000 đồng/mộ

Mộ xây đặc biệt có trang trí ốp lát và mộ xây theo kiểu lăng tẩm: Bồi thường theo hiện trạng để có thể di chuyển xây dựng như cũ. Mức bồi thường theo đơn giá của mộ xây đơn giản cộng thêm các chi phí xây dựng phần trang trí ốp lát. Trường hợp lăng tẩm đặc biệt có dự toán thiết kế riêng, trên cơ sở hồ sơ thiết kế tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường lập phương án bồi thường theo quy định.”.

#### **Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15**

“1. Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư mà không được bố trí vào nhà ở tạm thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở, mức và thời gian hỗ trợ, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ 05 triệu đồng/tháng/hộ có dưới 03 (ba) người; 08 triệu đồng/tháng/hộ có từ 03 (ba) người trở lên.

♠

b) Thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà được tính theo dự án đầu tư thể hiện tại dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (lần đầu); quá thời hạn trên, chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm chi trả tiền thuê nhà trong trường hợp dự án chậm tiến độ.”.

**Điều 7. Bổ sung Điều 17A và Điều 17B vào sau Điều 17**

**“1. Điều 17A. Bố trí tạm cư đối với trường hợp quyết định thu hồi đất trước khi hoàn thành việc bố trí tái định cư**

1. Trường hợp quyết định thu hồi đất trước khi hoàn thành việc bố trí tái định cư thì người bị thu hồi đất ở, nhà ở trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (bố trí vào khu tái định cư) được bố trí vào nhà ở tạm cư hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm cư, như sau:

a) Mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 quy định này.

b) Thời gian hỗ trợ là 6 tháng.

Quá thời hạn trên, người có đất thu hồi chưa được giao đất tái định cư, chủ đầu tư dự án thu hồi đất chịu trách nhiệm chi trả tiền thuê nhà đến khi người có đất thu hồi được giao đất tái định cư.

c) Việc chi trả hỗ trợ thuê nhà chỉ thực hiện sau khi người có đất thu hồi đã bàn giao mặt bằng cho dự án đúng thời gian quy định.

2. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi, nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 (một) thửa đất ở thu hồi thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm cư cho từng hộ gia đình đó.”.

**“2. Điều 17B. Bố trí tái định cư trong trường hợp địa điểm bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi**

Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở, nếu tại địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất bị thu hồi không còn quỹ đất để bố trí tái định cư thì Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động phối hợp với các địa phương khác đề xuất quỹ đất tái định cư báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo từng dự án cụ thể.”.

**Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 19**

“3. Trường hợp tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ một lần bằng tiền để tự lo chỗ ở mới, mức hỗ trợ bằng 60% giá trị đất và 60% giá trị nhà đang thuê. Tổng mức hỗ trợ tối thiểu cho một hộ không dưới 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).”.

**Điều 9. Bổ sung Điều 19A vào sau Điều 19**

**“Điều 19A. Hỗ trợ khác khi nhà nước thu hồi đất**

1. Hỗ trợ đối với diện tích đất nông nghiệp còn lại của thửa đất do hộ gia đình, cá nhân sử dụng trước ngày 01/7/2014 không được bồi thường về đất theo



✍

quy định tại khoản 7 Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP: Mức hỗ trợ bằng 100% giá đất nông nghiệp theo bảng giá của thành phố.

2. Hỗ trợ đối với diện tích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở do hộ gia đình, cá nhân sử dụng trước ngày 01/7/2014 không được bồi thường theo quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP: Mức hỗ trợ là 30% giá đất của loại đất thu hồi theo bảng giá đất của thành phố.

3. Hộ gia đình, cá nhân thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở hoặc thu hồi diện tích đất nông nghiệp từ 200 m<sup>2</sup> trở lên đủ điều kiện bồi thường thuộc diện gia đình chính sách được hỗ trợ 01 lần với mức như sau:

- a) Người có công với cách mạng: 20.000.000 đồng/hộ.
- b) Hộ nghèo, cận nghèo: 10.000.000 đồng/hộ.

4. Hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản với mức hỗ trợ 10.000.000 đồng.

5. Trường hợp đầm, hồ, ao nuôi trồng thủy sản phải đắp bờ bao hoặc phải đào sâu xuống lòng đất thì phần bờ bao thực tế phải đắp; phần ao, hồ, đầm thực tế phải đào sâu được áp dụng đơn giá để tính hỗ trợ theo khối lượng đất thực tế có đào hoặc có đắp (chỉ tính cho 01 phần việc đào hoặc đắp có giá trị lớn hơn) với mức hỗ trợ như sau:

- a) Chi phí đào: 60.000 đồng/m<sup>3</sup>.
- b) Chi phí đắp: 100.000 đồng/m<sup>3</sup>.

6. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất công ích nhưng không có hợp đồng thuê đất; có hợp đồng thuê đất đã hết hạn nhưng không được gia hạn sử dụng đất mà thực tế có đầu tư vào đất nhưng không có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì trên cơ sở người có đất thu hồi tự kê khai các khoản đã đầu tư vào đất theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Đất đai, hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng với mức bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy định này.

7. Hỗ trợ đối với công trình vật kiến trúc không đủ điều kiện bồi thường và không vi phạm hành lang bảo vệ các công trình theo quy định:

a) Công trình, vật kiến trúc xây dựng trước ngày 01/7/2004: hỗ trợ 70% giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại.

b) Công trình, vật kiến trúc xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến ngày 01/7/2014: hỗ trợ 30% giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại.

c) Các công trình phục vụ đời sống (như cổng, tường rào, bán mái, sân, bếp, bể nước, công trình phụ) xây dựng trên cùng thửa đất có đất ở nhưng không đủ điều kiện công nhận là đất ở thì hỗ trợ bằng 100% mức giá theo quyết định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố.

*A*

8. Hỗ trợ đối với công trình vật kiến trúc không đủ điều kiện bồi thường và vi phạm hành lang bảo vệ các công trình theo quy định:

a) Công trình, vật kiến trúc xây dựng trước ngày 01/7/2004: hỗ trợ 30% giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại.

b) Công trình, vật kiến trúc xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến ngày 01/7/2014: hỗ trợ 10% giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại.

9. Trường hợp thu hồi một phần đất ở mà diện tích còn lại đủ điều kiện để ở, người có đất thu hồi không đủ điều kiện bố trí tái định cư nhưng thực tế nhà và công trình bị phá dỡ toàn bộ hoặc một phần phải xây dựng lại thì được hỗ trợ tiền thuê nhà, mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 15 quy định này; thời gian hỗ trợ là 06 tháng.

10. Hỗ trợ bổ sung phần bị ảnh hưởng đối với nhà ở, công trình phục vụ đời sống gắn liền với đất phải tháo dỡ hoặc phá dỡ một phần.

Ngoài việc bồi thường trong phần diện tích bị tháo dỡ, phá dỡ theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 4A quy định này thì người có tài sản tháo dỡ hoặc phá dỡ một phần còn được hỗ trợ bổ sung phần bị ảnh hưởng, quy định như sau:

a) Đối với nhà khung bê tông cốt thép hoặc kết cấu khung thép thì diện tích sàn xây dựng được hỗ trợ bổ sung tính từ chỉ giới bị tháo dỡ, phá dỡ đến khung kết cấu chịu lực gần nhất và nhân với số tầng bị tháo dỡ, phá dỡ;

b) Đối với nhà kết cấu xây gạch chịu lực bị tháo dỡ, phá dỡ một phần, không ảnh hưởng đến an toàn của căn nhà thì diện tích sàn xây dựng được hỗ trợ bổ sung bằng chiều rộng phần bị bị tháo dỡ, phá dỡ với chiều sâu 1,0 m tính từ chỉ giới quy hoạch và nhân với số tầng nhà bị bị tháo dỡ, phá dỡ;

c) Mức hỗ trợ bổ sung phần bị ảnh hưởng trên được tính bằng 100% giá trị xây mới.

d) Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 4A quy định này và điểm a, b khoản này không vượt quá 100% giá trị xây mới nhà, công trình.

11. Căn cứ tình hình thực tế của từng dự án nếu phát sinh các trường hợp đặc biệt ngoài các nội dung hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 19A Quy định này. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, đề xuất gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì cùng các Sở, ngành liên quan kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét giải quyết theo từng dự án cụ thể."

**Điều 10. Quy định chuyển tiếp đối với dự án còn một phần diện tích đất chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ**

Đối với dự án còn một phần diện tích đất chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 2 Điều 19 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP



thì áp dụng quy định của pháp luật từ ngày Nghị định số 49/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

### **Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp**

Trường hợp đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; quyết định thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ tại Quy định này thực hiện.

### **Điều 12. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày **27** tháng **3** năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp, Công Thương, Nội vụ, Thanh tra thành phố; Thuế thành phố Hải Phòng, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 12;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: NN&MT, Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&MT;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ TP;
- TT TU, TT HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Các PCVP UBND TP;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Công TTĐT TP, Công báo thành phố;
- Báo và PTTH HP, Chuyên đề AN HP;
- Các Phòng: NNMT, NVKTGS;
- Lưu: VT, NNMT, B.M.Đức.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trung Kiên**